|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**Số: /TTr-BTTTT**DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều**

**của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ**

**quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng**

**và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện chương trình công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Thông tin và Truyền thông trong năm 2019 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 430/VPCP-TH ngày 20/02/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số [72/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-72-2013-nd-cp-quan-ly-cung-cap-su-dung-dich-vu-internet-va-thong-tin-tren-mang-201110.aspx) ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (sau đây gọi chung là Nghị định 72/2013/NĐ-CP) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Ngày 15 tháng 7 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. Kể từ thời điểm Nghị định số 72/2013/NĐ-CP được ban hành đến nay, các loại hình thông tin cung cấp trên mạng ngày càng trở nên phong phú, đáp ứng nhu cầu, thói quen của người sử dụng. Nếu như trước đây, hoạt động cung cấp thông tin chủ yếu thông qua hệ thống báo chí, bao gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử thì ngày nay việc sản xuất và phát hành nội dung không còn là vị trí độc tôn của các cơ quan báo chí nữa mà đã chuyển dần sang chính người dùng trên các mạng xã hội như Facebook, Youtube, Twitter, Instagram... Người dùng lên mạng không chỉ tìm kiếm thông tin mà họ cần được phục vụ cho nhu cầu giải trí, học tập, sáng tạo, shopping như chơi game, nghe nhạc, xem phim, thương mại điện tử...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được qua thực tiễn thi hành cùng với những yêu cầu mới phát sinh của quá trình hội nhập quốc tế, đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với hệ thống pháp luật, thực trạng phát triển về công nghệ thông tin và internet…đã bộc lộ những hạn chế bất cập, những khoảng trống pháp lý cần được hoàn thiện cụ thể:

**1. Đối với lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử:**

***1.1. Đối với hoạt động cung cấp nội dung thông tin điện tử tổng hợp***:

*-* Số lượng trang TTĐT tổng hợp được cấp phép chỉ chiếm chưa tới 0,66% trên tổng số hơn 1 triệu trang web bằng tiếng Việt có tên miền và máy chủ ở trong và ngoài nước (số liệu do Trung tâm Không gian mạng của Viettel cung cấp). Khá nhiều trang web cũng đang cung cấp nội dung thông tin tổng hợp, gây nhầm lẫn với cơ quan báo chí điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp và khiến cho việc kiểm tra, xử lý tình trạng báo hóa gặp nhiều khó khăn.

*-* Tình trạng “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp (các trang thông tin điện tử tổng hợp hoạt động như cơ quan báo chí) là vấn đề nhức nhối, tạo phản ứng bất bình trong dư luận, gây khó khăn đối với công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

***1.2. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ mạng xã hội:***

- Đến hết tháng 12/2019 có 614 mạng xã hội được cấp phép. Tuy nhiên số lượng mạng có từ 1 triệu người sử dụng trở lên chiếm dưới 10%. Trong khi số lượng người Việt Nam sử dụng mạng Facebook là khoảng gần 60 triệu và Youtube là gần 35 triệu.

*-* Tình trạng “báo hóa” mạng xã hội (mạng xã hội hoạt động như báo điện tử, như trang thông tin điện tử tổng hợp) đang ngày càng diễn biến phức tạp.

*-* Nhiều doanh nghiệp, lợi dụng giấy phép MXH để cung cấp đa dịch vụ chuyên ngành trên cùng một nền tảng mạng xã hội như dịch vụ truyền hình, thương mại điện tử, giáo dục trực tuyến,...gây khó khăn cho công tác quản lý các dịch vụ chuyên ngành.

*-* Các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ mạng xã hội xuyên biên giới điển hình là Facebook và Google đang gây tác động mạnh mẽ đối với xã hội Việt Nam nhưng gần như chưa tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam

***1.3. Đối với hoạt động cung trò chơi điện tử trên mạng (game):***

*-* Chỉ có 23% doanh nghiệp được cấp Giấy phép G1 có hồ sơ đề nghị phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi G1. Một số doanh nghiệp chỉ lợi dụng có giấy phép G1 để xuất trình cho doanh nghiệp viễn thông và đơn vị thanh toán để phát hành game không phép (Vụ Rikvip của Công ty CNC là trường hợp điển hình).

*-* Gần 87% là trò chơi phát hành hợp phát tại Việt Nam có xuất xứ từ nước ngoài, trong đó Trung Quốc chiếm gần 69%. Ngành công nghiệp trò chơi điện tử trên mạng ở nước ta hiện nay thực chất chỉ là thị trường phát hành trò chơi cho nước ngoài và được hưởng doanh thu theo tỷ lệ thỏa thuận.

*-* Những năm gần đây, game xuyên biên giới không có phép phát hành qua các kho ứng dụng Apple Store, Google Play đã gây thiệt hại lớn cho thị trường game Việt Nam. Theo khảo sát sơ bộ của Cục thì doanh thu từ game lậu chiếm 30% doanh thu toàn thị trường game Việt Nam.

*-* Xuất hiện tình trạng các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác làm trung gian thanh toán cho các trò chơi không phép phát hành qua các kho ứng dụng Apple Store, Google Play

*-* Hoạt động khuyến mại trong lĩnh vực trò chơi điện tử chưa rõ ràng và còn nhiều bất cập. Hiện đang thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công thương. Tuy nhiên, qua rà soát, kiểm tra, bước đầu Cục phát hiện, một số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (game) có dấu hiệu lợi dụng các chương trình khuyến mại (quay số may rủi) đã được Bộ Công thương cấp phép cho game, đặc biệt là các game bắn cá để thực hiện hành vi trả thưởng cho người chơi game (là một hình thức đổi thưởng) để thu hút người chơi, vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành.

*-* Đối với giải đấu thể thao điện tử trong thời gian vừa qua, một số doanh nghiệp tự đứng ra tổ chức một số giải thi đấu thể thao điện tử (thi đấu trò chơi điện tử trên mạng là chủ yếu). Tuy nhiên hiện nay chưa có hướng dẫn về việc tổ chức các giải đấu, trách nhiệm quản lý và triển khai của các cơ quan, tổ chức có liên quan để bảo đảm kiểm soát các vấn đề tiêu cực phát sinh: nội dung game, quay số trúng thưởng, trao thưởng.

***1.4.******Đối với dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động*.**

Khi cung cấp dịch vụ và trừ phí các dịch vụ nội dung, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông chưa có tin nhắn thông báo trừ tiền tới thuê bao, khiến cho người sử dụng không kiểm soát được các dịch vụ nội dung bị trừ tiền theo kỳ, theo tháng (kể cả các dịch vụ người sử dụng không đăng ký hoặc đăng ký đã lâu nhưng không sử dụng) và nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động (CP) lợi dụng việc này để tự ý trừ tiền các dịch vụ nội dung mà người sử dụng không đăng ký sử dụng dịch vụ;

***1.5. Các kho phân phối ứng dụng***

Hiện nay, các kho ứng dụng đang được đánh giá là hình thức tiếp thị và phân phối các ứng dụng trên mạng hiệu quả nhất. Theo báo cáo tháng 1/2019 của We are social, ở Việt Nam, trong năm 2018, có 2.739 tỷ ứng dụng trên điện thoại được tải qua các kho ứng dụng tại Việt Nam (chủ yếu trên AppStore và Google Play Store), doanh thu tải các ứng dụng ước khoảng 161 triệu USD. Top 10 các ứng dụng được tải nhiều nhất chủ yếu là game các mạng xã hội Facebook, Youtube, Tiktok, Zalo, ứng dụng chiếu phim Netflix…cho thấy các ứng dụng được tải và quan tâm nhất hiện nay chủ yếu là các dịch vụ nội dung.

Trong khi đó hiện nay, trách nhiệm của kho ứng phân phối ứng dụng còn chưa được quy định cụ thể dẫn đến việc trên các kho ứng dụng này còn đang cho phân phối nhiều ứng dụng vi phạm pháp luật, trong đó phức tạp nhất là các game xuyên biên giới không phép, vi phạm pháp luật, được phân phối rộng rãi trên các kho ứng dụng của Apple, Google (Android), Facebook. Trong số các game vi phạm pháp luật, có rất nhiều game cờ bạc đổi thưởng, game bạo lực, dung tục, có nội dung nhạy cảm về chính trị, về chủ quyền biển đảo, xuyên tạc lịch sử,…phần lớn là đến từ các nhà phát hành game Trung quốc.

Một trong những yếu tố quan trọng để các ứng dụng game vi phạm vượt qua hàng rào quản lý, vẫn thu phí người chơi tại Việt Nam là nhờ các thanh toán hình thức thanh toán đa dạng (*qua Ngân hàng (thẻ tín dụng, thẻ ATM,…), qua các ví điện tử, qua tài khoản viễn thông, qua các cổng trung gian thanh toán khác….)* đang được kết nối trên các kho ứng dụng như Apple, Google (Android), Facebook.  Nhiều đơn vị trung gian thanh toán không thực hiện việc rà quét, sàng lọc để đảm bảo chỉ các ứng dụng/game hợp pháp mới được thanh toán. Chính vì game vi phạm pháp luật phát hành xuyên biên giới vẫn có thể được dễ dàng thanh toán nên công tác quản lý và ngăn chặn gặp rất nhiều khó khăn.

**2. Đối với lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin trên mạng viễn thông, trên mạng internet**

Hiện nay, chưa có quy định thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước trong việc chỉ đạo, điều phối các doanh nghiệp viễn thông, Internet trong việc triển khai thực thi, thiết lập hệ thống kỹ thuật tập trung để điều phối giám sát tuân thủ, bảo đảm các nhà mạng thực hiện chặn, lọc kịp thời, đồng bộ.

 Chưa có quy định trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông, Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu (bao gồm dịch vụ cho thuê máy chủ, dịch vụ cho thuê chỗ đặt máy chủ, dịch vụ cho thuê chỗ trên máy chủ, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ mạng phân phối nội dung CDN), với tư cách là chủ thể cung cấp dịch vụ, khi thực hiện giao kết các hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ với tổ chức, cá nhân phải yêu cầu tổ chức cá nhân sử dụng dịch vụ bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh thông tin và thể hiện rõ trách nhiệm đó trong hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ giao kết giữa hai bên.

**3. Đối với lĩnh vực Internet**

Xuất phát từ thực tiễn thi hành, liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên Internet (tên miền, địa chỉ) phát sinh một số nội dung cần nghiên cứu chỉnh sửa tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP như sau:

- Phát sinh thực tiễn vấn đề mất cân bằng trong quy định quản lý tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và tên miền quốc tế (TMQT); Hạn chế trong việc xác định thông tin chủ thể đăng ký sử dụng TMQT; thiếu quy định yêu cầu phối hợp xử lý vi phạm đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ đăng ký, sử dụng TMQT xuyên biên giới cần tăng cường quy định pháp lý để góp phần đảm bảo an toàn, an ninh, phát triển bền vững về Internet.

- Phát sinh vấn đề cần quy định quản lý hoạt động Tổ chức quản lý tên miền cấp cao dùng chung mới (New gTLD Registry).

- Phát sinh yêu cầu điều chỉnh quy định về tên miền tranh chấp, tên miền vi phạm sở hữu trí tuệ đáp ứng cam kết quốc tế (CPTPP; khắc phục sự mất đồng bộ trong pháp luật về viễn thông, pháp luật về sở hữu trí tuệ liên quan đến tên miền vi phạm quy định cạnh tranh không lành mạnh; Đồng thời bổ sung các quy định hiện còn thiếu về cho thuê, cho tặng, thừa kế quyền sử dụng tên miền “.vn”

- Nhu cầu thực tiễn trong việc tăng cường quản lý thông tin sử dụng địa chỉ Internet (IP), số hiệu mạng ASN trong đó có quản lý thông tin định tuyến các vùng địa chỉ IP của Việt Nam.

- Phát sinh yêu cầu điều chỉnh quy định liên quan đến thúc đẩy sử dụng địa chỉ Internet mới IPv6 cho phù hợp thực tiễn

- Sự cần thiết bổ sung các quy định về VNIX để đảm bảo vai trò và rõ ràng đồng bộ giữa mô hình thực hiện và quy định pháp lý.

Để khắc phục khó khăn, vướng mắc nêu trên, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong tình hình mới, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2013/NĐ-CP là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN TRONG VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Quan điểm xây dựng Nghị định**

Việc nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 72/2013/NĐ-CP được tiến hành trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo chủ yếu sau đây:

- Một là, tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về yêu cầu ngày càng cao đối với công tác về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, thể hiện đầy đủ và đáp ứng được nội dung chuyển hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

 Hai là, bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp; tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Ba là, căn cứ vào kết quả tổng kết thực hiện Nghị định số 72/2013/NĐ-CP để quy định nhằm kế thừa những kết quả đạt được, hạn chế những bất cập, hạn chế trong thực thi Nghị định số 72/2013/NĐ-CP bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế triển khai quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Bốn là, đảm bảo đồng bộ với các cam kết quốc tế CPTPP;

Năm là, tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia về việc theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, từ đó xây dựng các quy định của Nghị định phù hợp với thực tiễn cuộc sống và hệ thống pháp luật Việt Nam.

**2. Mục đích xây dựng Nghị định**

Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP hướng đến các mục đích sau đây:

- Nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành Nghị định số 72/2013/NĐ-CP đồng thời đảm bảo tính kế thừa của các quy định còn phù hợp của Nghị định;

- Cải cách thủ tục hành chính, trực tuyến hóa thủ tục cho doanh nghiệp.

- Điều chỉnh các hoạt động cung cấp cung cấp nội dung thông tin trên mạng, quảng cáo trực tuyến để tạo điều kiện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong nước phát triển lành mạnh và cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài.

- Nhằm tạo được hành lang pháp lý phù hợp hơn với thực tế, khắc phục những tồn tại, hạn chế như đã nêu trên và bắt kịp xu thế phát triển của các dịch vụ và nội dung thông tin trên mạng.

- Khuyến khích phát triển các dịch vụ, nội dung, ứng dụng tiếng Việt phục vụ cho cộng đồng người Việt Nam trên Internet. Đẩy mạnh việc đưa các thông tin lành mạnh, hữu ích lên Internet, hạn chế thông tin tiêu cực;

- Tăng cường bảo đảm an ninh thông tin thông qua việc nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, dịch vụ liên quan đến máy chủ và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ trong vấn đề bảo đảm an ninh thông tin khi giao kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ giữa hai bên và trong quá trình cung cấp, sử dụng dịch vụ sau này.

- Nâng cao khả năng phát hiện, xử lý các thông tin vi phạm pháp luật trên mạng viễn thông, Internet thông qua việc tăng cường nguồn lực, vai trò trách nhiệm từ các doanh nghiệp viễn thông, Internet trong việc tham gia phát hiện các thông tin vi phạm pháp luật.

- Tăng cường quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng di động; nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp CSP, doanh nghiệp di động trong việc quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ đúng pháp luật.

- Điều chỉnh quy định xử lý tên miền tranh chấp để đồng bộ với cam kết quốc tế CPTPP, phù hợp với chính sách giải quyết tranh chấp tên miền của ICANN và phù hợp chính sách, kinh tế xã hội của Việt Nam.

- Điều chỉnh, bổ sung các quy định về VNIX để đảm bảo rõ ràng, đồng bộ với mô hình hoạt động hiện nay và theo mô hình quốc tế, tăng cường kết nối, phát triển nội dung trong nước, hỗ trợ các doanh nghiệp mới, nhỏ.

**III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

1. **Về bố cục dự thảo Nghị định gồm 02 điều như sau:**

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số [72/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-72-2013-nd-cp-quan-ly-cung-cap-su-dung-dich-vu-internet-va-thong-tin-tren-mang-201110.aspx) ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (sau đây gọi là Nghị định số 72/2013/NĐ-CP).

Điều 2. Điều khoản thi hành

**2. Một số nội dung chính sách quy định tại dự thảo nghị định**

**Chính sách 1:** Chính sách quy định để hạn chế tình trạng “báo hóa” trang tin.

**Chính sách 2:** Hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam xây dựng phát triển mạng xã hội.

**Chính sách 3:** Hạn chế tình trạng “báo hóa” mạng xã hội, bổ sung quy định để quản lý hiệu quả các mạng xã hội đa nền tảng dịch vụ.

**Chính sách 4:** Chính sách quy định về cấp phép phát hành trò chơi điện tử trên mạng

**Chính sách 5:** Chính sách thúc đẩy, khuyến khích phát triển, phổ biến game giáo dục

**Chính sách 6:** Chính sách quy định về cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động

**Chính sách 7:** Bổ sung quy định điều chỉnh hoạt động cung cấp dịch vụ qua kho ứng dụng

**Chính sách 8:** Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý hoạt động cung cấp thông tin xuyên biên giới

**Chính sách 9:** Trách nhiệm bảo đảm an ninh thông tin của doanh nghiệp khi giao kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, dịch vụ trung tâm dữ liệu với các tổ chức, cá nhân.

**Chính sách 10:** Điều chỉnh quy định về sở cứ giải quyết tên miền tranh chấp cho phù hợp với cam kết CP-TPP

**Chính sách 11:** Điều chỉnh các quy định về VNIX để đảm bảo vai trò và rõ ràng đồng bộ giữa mô hình thực hiện và quy định pháp lý

**Chính sách 12:** Tăng cường triển khai biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng trên mạng viễn thông, mạng Internet

 (Về các nội dung: (i) Xác định vấn đề bất cập; (ii) mục tiêu giải quyết vấn đề; (iii) các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề; (iv) đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan; (v) kiến nghị giải pháp lựa chọn được thể hiện cụ thể tại **Báo cáo đánh giá tác động của chính sách gửi kèm Tờ trình**)

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

Sau khi Nghị định được ban hành, Bộ Thông tin và Truyền thông dự kiến nguồn lực đảm bảo cho việc thi hành như sau:

- Phổ biến các nội dung nghị định sau khi được thông qua tới tác đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và các cơ quan, tổ chức có liên quan để chuẩn bị sẵn sàng cho việc triển khai áp dụng Nghị định;

- Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai các quy định của Nghị định;

- Bám sát việc triển khai thực tế của các quy định, giải đáp kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện các quy định của Nghị định;

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành Nghị định.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ ĐỊNH**

Căn cứ vào quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Thông tin và Truyền thông dự kiến hoàn thiện và trình Chính phủ thông qua Nghị định quý IV năm 2020.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP, Bộ Thông tin và Truyền thông xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo Tờ trình các tài liệu sau đây: (1) Đề cương dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; (3) Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:** - Như trên;- Thủ tướng Chính phủ;- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam; - Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);- Văn phòng Chính phủ; - Lưu: VT, PC, VT, ATTT, PTTH&TTĐT, VNNIC (10). | **BỘ TRƯỞNG** **Nguyễn Mạnh Hùng** |